

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ THÀNH CÔNG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ THÀNH CÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH CONG DEVELOPMENT INVESTMENT SERVICE INDUSTRIAL SUPPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THANH CONG DISIS., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 1900672454

3. Ngày thành lập: 04/02/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Ấp Phước Thạnh 1, Xã Long Thạnh, Huyện Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

Điện thoại: 02913 888 168

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
2.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
3.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
4.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
5.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
6.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
7.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
8.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
9.	Sản xuất giày, dép	1520
10.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
11.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
12.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
13.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
14.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
15.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
16.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702

17.	In ấn Chi tiết: In, In ấn (Trừ các loại hình nhà nước cấm) In tài liệu phục vụ học tập; đồ án tốt nghiệp, luận văn, bản vẽ kỹ thuật công trình, hồ sơ thi tuyển, catalogue, hồ sơ năng lực, card visit,... tem, nhãn mác bằng giấy khác; In màu bản đồ khổ lớn; In màu trực tiếp lên lụa, nhựa, vật liệu khác. Kính doanh và in ấn bao bì PP/PE, vải manh PP phục vụ cho ngành nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác.	1811
18.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
19.	Sao chép bản ghi các loại	1820
20.	Sản xuất than cốc	1910
21.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
22.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
23.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
24.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Sản xuất nhựa thông, nguyên liệu nhựa và chất đàn hồi nhựa dẻo không lưu hóa nhiệt, chất hỗn hợp và nhựa thông pha trộn theo phương pháp thông thường cũng như sản xuất nhựa thông tổng hợp không theo định dạng. Sản xuất plastic dạng nguyên sinh: Polyme, bao gồm polyme tổng hợp từ etylen, propylen, xtiren, vinyl clorua, vinyl axetat và axit acrylic, Polyamit, Nhựa thông epoxit, phenolic và pôliurêtan, Alkil, nhựa thông pôliexte và pôliexte, Silicon, Chất thay đổi ion trên polyme. Sản xuất hỗn hợp cao su tổng hợp và cao su thiên nhiên hoặc keo dính giống cao su (ví dụ nhựa lấy ở cây dứa làm chất cách điện). Cao su tổng hợp, Cao su nhân tạo.	2013
25.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
26.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
27.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211

28.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm plastic bán chế biến như: Đĩa, tấm, khối, mảnh nhựa (bất kể tự dính hay không); Sản xuất các sản phẩm nhựa hoàn thiện như : Ống, vòi nhựa, thiết bị lắp đặt bằng nhựa; Sản xuất đồ nhựa cho xây dựng như: Cửa nhựa, cửa sổ, khung, mảnh, rèm, ván chân tường, bể hồ chứa nhân tạo, sàn tường hoặc tấm phủ trần dạng cuộn hoặc dạng tấm, đồ thiết bị vệ sinh bằng nhựa như bể bơi plastic, vòi tắm, chậu tắm, chậu rửa mặt. Sản xuất bàn, đồ bếp và đồ nhà vệ sinh bằng nhựa;- Sản xuất tấm hoặc bản bóng kính; Sản xuất tấm phủ sàn bằng nhựa cứng hoặc linoleum; Sản xuất tấm lấy sáng bằng nhựa cứng hoặc linoleum; Sản xuất nhựa Poly, hạt nhựa, nhựa PVC, Sản xuất đá nhân tạo; tấm nhựa lấy sáng; fomex, mica, alu, pvc, gỗ nhựa, composite... Sản xuất sản phẩm nhựa chuyển hoá như: Mũ lưỡi trai, thiết bị ngăn cách, bộ phận của thiết bị chiếu sáng, thiết bị văn phòng hoặc giáo dục, quần áo bằng nhựa (nếu chúng được gắn với nhau, không phải là khâu), thiết bị đồ gia dụng, tượng, băng chuyền, giấy dán tường bằng nhựa, đế giày, tẩu xì gà, lược, lô cuốn tóc, và các đồ khác. Đồ mỹ nghệ , kỹ nghệ Sản xuất đồ nhựa dùng để gói hàng; Sản xuất bao bì; kinh doanh chỉ may bao bì PP, PE, cotton	2220(Chính)
29.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
30.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
31.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
32.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
33.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
34.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
35.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
36.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
37.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
38.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
39.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
40.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
41.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
42.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
43.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
44.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
45.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
46.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
47.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100

48.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn. Sản xuất các sản phẩm khác: Nến, dây nến và các thứ tương tự; hoa giả, giỏ hoa, hoa nhân tạo, lá quả, vật lạ, vật gây cười, sàng, sây, manơ canh, tượng, bàn ghế, đồ thủ công, đồ thủ công mỹ nghệ từ nhôm inox nhựa đá... Sản xuất kính nghệ thuật, Sản xuất: sắt nghệ thuật, tấm pu chống cháy, tấm pvc, Sản xuất nhựa Poly, hạt nhựa, nhựa PVC, Sản xuất đá nhân tạo; tấm nhựa lấy sáng; fomex, mica, alu, pvc, gỗ nhựa, composite... các vật liệu làm décor, đá xuyên sáng, đá nhân tạo, Inox, tấm thạch cao chống cháy.	3290
49.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
50.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
51.	Sản xuất điện Chi tiết: Nhiệt điện than; Thủy điện; Nhiệt điện khí; Điện gió; Điện mặt trời; Điện khác (sóng biển, thủy triều, diezen...); Điện áp mái	3511
52.	Truyền tải và phân phối điện	3512
53.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
54.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
55.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
56.	Thu gom rác thải độc hại	3812
57.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
58.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
59.	Xây dựng nhà để ở	4101
60.	Xây dựng nhà không để ở	4102
61.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
62.	Xây dựng công trình điện	4221
63.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
64.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
65.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
66.	Xây dựng công trình thủy	4291
67.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
68.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
69.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
70.	Phá dỡ	4311
71.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

72.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện cho công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng: Dây dẫn và thiết bị điện, đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học, đĩa vệ tinh, hệ thống chiếu sáng, chuông báo cháy, hệ thống báo động chống trộm, tín hiệu điện và đèn trên đường phố, đèn trên đường băng sân bay; Lắp đặt hệ thống điện áp mái; lắp đặt hệ thống điện kết nối các thiết bị điện và đồ dùng gia đình.	4321
73.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Hệ thống sưởi (điện, gas, dầu); Lò sưởi, tháp làm lạnh; Hệ thống thu nạp năng lượng mặt trời không dùng điện; Thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh; Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hòa không khí; Thiết bị khí đốt (gas); Đường ống dẫn hơi nước; Hệ thống phun nước chữa cháy; Hệ thống phun nước tưới cây; Lắp đặt hệ thống ống dẫn. Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy; (Điều 43 ND 79/2014/ ND - CP)	4322
74.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thang máy, cầu thang tự động; các loại cửa tự động; hệ thống đèn chiếu sáng; hệ thống hút bụi; hệ thống âm thanh; hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329

75.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Sơn bên ngoài và bên trong công trình nhà. Sơn các kết cấu công trình dân dụng, Trát vữa bên trong và bên ngoài các công trình nhà và công trình xây dựng khác, bao gồm các nguyên liệu đánh bóng, Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa sổ bằng gỗ hoặc bằng những vật liệu khác. Lắp đặt thiết bị, đồ dùng nhà bếp, cầu thang và những hoạt động tương tự. Lắp đặt thiết bị nội thất, Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: Làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được... Xếp, lợp, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác như: Lát sàn hoặc tường bằng gạch, bê tông, đá xẻ, gạch gốm. Lót ván sàn và các loại phủ sàn bằng gỗ khác. Thảm và tấm phủ sơn lót sàn, bao gồm bằng cao su và nhựa. Lát sàn hoặc ốp tường bằng gạch không nung, đá hoa, đá hoa cương (granit), đá phiến...Giấy dán tường, Lắp gương, kính. Làm sạch các toà nhà mới sau xây dựng,.Các công việc hoàn thiện nhà khác, Lắp đặt nội thất các cửa hàng, nhà di động, thuyền...	4330
76.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
77.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4511
78.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đấu giá)	4512
79.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác	4513
80.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
81.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4530

82.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy Đại lý mô tô, xe máy	4541
83.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
84.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
85.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý thương mại (Điều 166 Luật Thương mại số 36/2005/QH11); Môi giới thương mại (Điều 150 Luật Thương mại số 36/2005/QH11) (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản)	4610
86.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
87.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
88.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác; Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh Kinh doanh thực phẩm chức năng (Điều 9 NĐ 67/2016/NĐCP ngày 01/07/2016)	4632
89.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

90.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn dụng cụ y tế Kinh doanh thuốc (Điều 32 Luật Dược)	4649
91.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
92.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
93.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường (Doanh nghiệp không bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy có liên quan đến trò chơi điện tử có thưởng, trò chơi máy bắn cá và các trò chơi tương tự máy bắn cá như: bắn thú, bắn chim,...)	4659
94.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
95.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662

96.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng, tấm phủ sàn bằng nhựa cứng hoặc linoleum; đá nhân tạo vật liệu lấy sáng bằng nhựa hoặc linoleum; tấm lợp polycarbonate; tấm nhựa lấy sáng; fomex, mica, alu, pvc, gỗ nhựa, composite, nhựa Poly, hạt nhựa, nhựa PVC, đá nhân tạo; Bán buôn sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép; Bán buôn bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm, hóa chất chống thấm, bột màu, vécni; Bán buôn vật tư, sản phẩm decor mọi chất liệu... Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh bình đun nước nóng dùng điện, loại lắp đặt trong xây dựng ; Bán buôn Polyme, bao gồm polyme tổng hợp từ etylen, propylen, xtiren, vinyl clorua, vinyl axetat và axit acrylic, Polyamit, Nhựa thông epoxit, phenolic và pôliurêtan, Alkil, nhựa thông pôliexte và pôliexte, Silicon, Chất thay đổi ion trên polyme; Bán buôn tấm cách nhiệt, cách âm, vật liệu cách nhiệt, vật liệu cách âm vật liệu chống ồn, vật liệu tiêu âm, vật liệu phòng cháy. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn vật tư thiết bị chống thấm Kinh doanh vật liệu xây dựng (Điều 34 Nghị định 24a/2016/NĐ-CP)	4663
97.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn cao su Kinh doanh trang thiết bị y tế (Nghị định số 169/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2016/NĐ-CP về Quản lý trang thiết bị y tế)	4669
98.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động đấu giá theo luật đấu giá tài sản)	4690
99.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
100.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
101.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
102.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

103.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
104.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; (Điều 7, Điều 8 Nghị định 10/2020/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4932
105.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933
106.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
107.	Bốc xếp hàng hóa	5224
108.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy; Lai dắt, cứu hộ đường bộ.	5225

109.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa; Gửi hàng; Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; Kinh doanh dịch vụ logistics: Dịch vụ xếp dỡ container,(trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay). Dịch vụ kho bãi container thuộc dịch vụ hỗ trợ vận tải biển. Dịch vụ kho bãi thuộc dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải. Dịch vụ chuyển phát. Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa. Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan (bao gồm cả dịch vụ thông quan). Dịch vụ khác, bao gồm các hoạt động sau: Kiểm tra vận đơn, dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa, kiểm định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải. Dịch vụ hỗ trợ bán buôn, hỗ trợ bán lẻ bao gồm cả hoạt động quản lý hàng lưu kho, thu gom, tập hợp, phân loại hàng hóa và giao hàng. Dịch vụ phân tích và kiểm định kỹ thuật. Các dịch vụ hỗ trợ vận tải khác. (Điều 3 NĐ 163/2017/NĐ-CP).	5229
110.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
111.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

112.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Tư vấn lập báo cáo, đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết (Luật Bảo vệ môi trường 2014) Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: Ô nhiễm không khí và nước Kinh doanh dịch vụ kiểm tra, phân tích và đo lường các chỉ số đất, nước, môi trường (Khoản 5 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP) Dịch vụ tư vấn đánh giá môi trường chiến lược (Điều 9 NĐ 18/2015 NĐ - CP) Tổ chức tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường (Điều 12 NĐ 18/2015 NĐ - CP) Đánh giá tác động môi trường (Điều 13 NĐ 18/2015 NĐ - CP) Lập phương án cải tạo phục hồi môi trường (NĐ 40 /2019 NĐ - CP) Hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (Điều 4 NĐ 127/2014 NĐ - CP) Quan trắc, phân tích môi trường, đánh giá tác động môi trường; Phát triển, chuyển giao công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, công nghệ môi trường; Tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin về môi trường; Các dịch vụ khác về bảo vệ môi trường. Điều 150 Luật bảo vệ môi trường (Chỉ hoạt động khi nhà nước cho phép)	7120
113.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
114.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
115.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
116.	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo Kinh doanh dịch vụ quảng cáo (Điều 13 Luật Quảng cáo 16/2012/QH13); Phát hành quảng cáo (Điều 14 Luật Quảng cáo 16/2012/QH13); Tiếp nhận quảng cáo (Điều 16 Luật Quảng cáo 16/2012/QH13). Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình) (Điều 16 Luật Quảng cáo 16/2012/QH13)	7310
117.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

118.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo lường, chuẩn đo lường (Nghị Định 105/2016/NĐ-CP) Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Điều 5 107/2016/NĐ-CP) Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng (Điều 9 107/2016/NĐ-CP) Kinh doanh dịch vụ giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Điều 13 107/2016/NĐ-CP) Tư vấn chuyển giao công nghệ; Môi giới chuyển giao công nghệ. (Điều 45 Luật chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14) (Chỉ hoạt động khi nhà nước cho phép)	7490
119.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; Hoạt động trang trí nội thất.	7410
120.	Cho thuê xe có động cơ	7710
121.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
122.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cung cấp lao động theo yêu cầu của khách hàng trong một thời gian hạn định để bổ sung vào lực lượng lao động của khách hàng, những người được tuyển dụng là lao động của khu vực dịch vụ lao động tạm thời, cung ứng nhân công.	7820
123.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
124.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
125.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
126.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
127.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
128.	Dịch vụ đóng gói	8292

129.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình (Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/07/2018) Tư vấn lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch ngành Tư vấn lập thiết kế quy hoạch xây dựng (Điều 150, Điều 158 Luật Xây dựng năm 2014;) Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 NĐ 79/2014/ NĐ - CP) Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; Thiết kế quy hoạch xây dựng (Điều 1. Mục 7 NĐ 100/2018/NĐ/ CP) Tư vấn quy hoạch xây dựng nông thôn (Điều 27 Nghị định 44/2015/NĐ-CP) Tư vấn lập dự toán xây dựng công trình, dự án (Điều 52 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP) Tư vấn lập quy hoạch đô thị (Điều 10, Điều 11 Luật quy hoạch đô thị năm 2009) Hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực bao gồm: Tư vấn đầu tư xây dựng công trình điện (không bao gồm hoạt động lập dự án đầu tư, đấu thầu công trình điện) và tư vấn giám sát thi công các công trình điện (bao gồm nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, đường dây và trạm biến áp). Điều 38 NĐ-108/2018/ NĐ-CP Tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy thủy điện Điều 42 NĐ137/2013/NĐ-CP Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 kV K2 Điều 38137/2013/NĐ-CP (Chỉ hoạt động khi nhà nước cho phép)	7110
130.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110

131.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động quản lý, khai thác, duy tu hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật; vệ sinh và bảo vệ môi trường; công viên, cây xanh; chiếu sáng đô thị, cấp nước, thoát nước; quản lý chung cư, xử lý chất thải; thương mại, vui chơi giải trí, thể dục thể thao và các dịch vụ công cộng khác tại khu đô thị, khu chung cư (Nghị định số: 11/2013/NĐ-CP) Hoạt động tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (Điều 42 nghị định 79/2014 ngày 31/07/2014) Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 16 Nghị định 187/2013/NĐ). Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (D 28 Luật thương mại 2005)	8299
132.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
133.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã) Sản xuất thực phẩm chức năng (Điều 8 NĐ 67/2016/NĐCP ngày 01/07/2016,	1079
134.	Sản xuất sợi	1311
135.	Sản xuất vải dệt thoi	1312

6. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM THỊ NGÀN	518 Bình Giã, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	50,000	273667783	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	50,000		
2	NGUYỄN THANH NGHỊ	Áp Phước Thạnh 1, Xã Long Thạnh, Huyện Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	25,000	385143850	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	25,000		

3	ĐỒ TRÍ CUÔNG	Xóm 4, Xã Phúc Thắng, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	25,000	163298832
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THANH NGHỊ

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 15/09/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 385143850

Ngày cấp: 11/12/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Bạc Liêu

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Phước Thạnh 1, Xã Long Thạnh, Huyện Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp Phước Thạnh 1, Xã Long Thạnh, Huyện Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bạc Liêu